

+ Năm 1986, Nhà máy nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cấp nước Hải Phòng theo quyết định số 845/QĐ-UB ngày 28/10/1986 “ về việc đổi tên và quy định quyền hạn Công ty Cấp nước Hải Phòng” của UBND thành phố Hải Phòng.

+ Năm 1993, UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 71/QĐ - TCCQ ngày 14/01/1993: về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước và quy chế hoạt động doanh nghiệp của Công ty Cấp nước Hải Phòng”.

+ Năm 1998, NMN Lán Tháp, Uông Bí được bàn giao cho tỉnh Quảng Ninh quản lý, khai thác cấp cho Quảng Ninh.

+ Năm 2007, Công ty Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Hải Phòng, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 10/8/2006. Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty theo Quyết định số 2801/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006.

+ Năm 2008, Công ty tiếp nhận và quản lý nhà máy nước Vĩnh Bảo từ huyện Vĩnh Bảo; tiếp nhận và quản lý Xí nghiệp điện nước Cát Bà từ huyện Cát Hải.

+ Năm 2009 cổ phần hóa xí nghiệp cấp nước Vật Cách thành Công ty Cổ phần Cấp nước Vật Cách (nay là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng)...

+ Tháng 4 năm 2015 Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng theo Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015.

+ Ngày 11/11/2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở.

*** Về đầu tư Hệ thống cấp nước:**

+ Năm 1959 - 1961: Nhà máy nước An Dương được xây dựng giai đoạn I với công suất 20.000 m³/ngày cấp nước cho khu vực nội thành (các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An hiện nay); Giai đoạn này Nhà máy nước Đồ Sơn cũng được xây dựng với công suất 1000 m³/ngày cấp cho khu vực Đồ Sơn.

+ Năm 1965 - 1975: NMN An Dương được đầu tư nâng công suất lên 60.000 m³/ngày.

+ Năm 1976 - 1977: NMN Cầu Nguyệt được xây dựng giai đoạn I với công suất 20.000 m³/ngày cấp cho khu vực Kiến An thay cho việc dùng 2 trạm bơm nước giếng ở Khúc Trì và Tràng Minh công suất 2420 m³/ngày bị nhiễm mặn cao.

+ Năm 1979 - 1980: NMN Cầu Nguyệt triển khai giai đoạn II, nâng công suất lên 60.000 m³/ngày cấp một phần cho khu vực nội thành trung tâm.

+ Năm 1987 - 1989: NHM Vật Cách được đầu tư xây dựng với công suất 11.000 m³/ngày, cấp nước cho khu vực Vật Cách, Quán toan. NMN Đồ Sơn được cải tạo nâng công suất lên 5000 m³/ngày.

+ Năm 1993 - 1997: Đầu tư cải tạo, xây dựng mới trên 20 km ống chuyên tải D300 - D600; cải tạo mạng lưới phân phối theo vùng và thực hiện việc lắp đồng hồ đo nước cho từng hộ gia đình của 17 phường thuộc các quận Lê Chân, Ngô Quyền.

+ Năm 1999 - 2003: Thực hiện Dự án cấp nước 1A vay vốn WB với tổng mức đầu tư khoảng 19 triệu USD, cải tạo toàn bộ mạng lưới chuyên tải và phân phối khu vực nội thành (các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền); Cải tạo nâng công suất NMN An Dương lên 100.000 m³/ngày, cải tạo trạm bơm Quán Vĩnh, xây dựng 4 km ống BTCT D1000 cấp nước thô từ Quán Vĩnh - An Dương.

+ Năm 2004 - 2005: Xây dựng 12,5 km ống chuyên tải D500, D700 khu vực phía Nam nội thành Hải Phòng từ NMN An Dương đến đập Đình Vũ

+ Năm 2005 - 2007: Đầu tư xây dựng mới hệ thống cấp nước quận Hải An gồm các phường Đằng Hải, Nam Hải, Tràng Cát, Cát Bi, Đông Hải, 3km ống D300, D400 NMN Vật Cách - TT An Dương, 3km ống D300 đi KCN An Tràng; cấp nước xã An Đồng, huyện An Dương.

+ Năm 2007 - 2009: Thực hiện Dự án cấp nước Kiến An vay vốn WB cải tạo NMN Cầu Nguyệt công suất 40.000 m³/ngđ, cải tạo lại toàn bộ mạng lưới chuyên tải và mạng phân phối của 8/10 phường quận Kiến An, lắp đặt trên 30.000 đồng hồ tới hộ gia đình. Tiếp tục đầu tư kéo dài 3 km ống D500 Đình Vũ (tới cảng Đình Vũ). Cải tạo cấp nước thị trấn An Dương, xây dựng 3km ống D300 KCN Tràng Duệ, cấp nước xã An Đồng...

+ Năm 2008: Tiếp nhận quản lý hệ thống cấp nước Vĩnh Bảo từ huyện với công suất thiết kế nhà máy ban đầu là 2.500 m³/ngđ, mạng lưới khu vực thị trấn với khoảng 1300 hộ khách hàng. Từ đó đến nay Công ty đầu tư để nâng công suất nhà máy lên 5000 m³/ngđ, mở rộng mạng lưới ra các xã ven: Nhân Hòa, Tân Liên, Tân Hưng, Trung Lập,... đưa số khách hàng dùng nước lên 6450 hộ.

Cũng trong năm 2008 Công ty tiếp nhận quản lý hệ thống cấp nước Cát Bà từ huyện Cát Hải với công suất thiết kế nhà máy ban đầu là 3.000 m³/ngđ, mạng lưới khu vực thị trấn với khoảng 1500 hộ khách hàng. Từ đó đến nay Công ty đầu tư để cải tạo



nhà máy nâng cao hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng nước xử lý; đầu tư xây dựng các trạm bơm đầu nguồn và tuyến ống cấp nước thô đảm bảo cấp đủ nước; cải tạo lại mạng lưới thị trấn Cát Bà; mở rộng mạng lưới cấp nước ra các xã Trân Châu, Xuân Đám, Việt Hải đưa số khách hàng dùng nước lên 3000 hộ.

+ Năm 2009: Thành lập Công ty Cổ phần cấp nước Vật Cách từ Xí nghiệp sản xuất nước Vật Cách.

+ Năm 2009 - 2012: Đầu tư xây dựng 5 km ống D300 đường 402, 6 km ống D300 đường 355, 6 km ống D300 đường 351, cải tạo cấp nước các xã Hồng Thái, Đồng Thái, Thái Sơn, phường Đa Phúc, đầu tư xây dựng 4 km ống gang D1000 cấp nước thô giai đoạn II từ TB Quán Vĩnh - NMN An Dương.

+ Năm 2012 - 2014: Đầu tư xây dựng nâng công suất NMN Vật Cách từ 10.000 m³/ngđ lên 30.000 m³/ng bằng việc xây dựng mới 01 NMN công suất 20.000 m³/ngđ; đầu tư xây dựng 01 tuyến ống D400 dài 6,7km từ Vật Cách - ngã 4 đê liệt sỹ Hồng Bàng; Dự án xây dựng bể lọc tiếp xúc sinh học U-BCF công suất 5.000m³/ngày tại nhà máy nước Vĩnh Bảo: đây là dự án đánh dấu thành công của việc hợp tác kỹ thuật với Cục Cấp thoát nước thành phố Kitakyushu Nhật Bản, nhằm xử lý vấn đề ô nhiễm hữu cơ nguồn nước thô, nâng cao chất lượng nước cấp cho khu vực huyện Vĩnh Bảo.

+ Năm 2015 - 2020: Công ty triển khai nhiều Dự án mở rộng hệ thống Cấp nước Hải Phòng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, nâng cao hạ tầng kỹ thuật cấp nước góp phần vào công cuộc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Một số Dự án tiêu biểu bao gồm:

Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Hải Phòng - giai đoạn II, vay vốn ADB, đề: nâng công suất NMN An Dương lên 200.000 m³/ngđ; xây dựng NMN Hưng Đạo công suất 25.000 m³/ngđ (quy hoạch 200.000 m³/ngđ); xây dựng NMN Ngũ Lão công suất 25.000 m³/ngđ (quy hoạch 200.000 m³/ngđ); xây dựng khoảng 47 km ống chuyên tải D300 – D800; cải tạo mạng lưới phân phối cấp nước các quận Đồ Sơn, Dương Kinh với số khách hàng mới tăng thêm khoảng 5.000-10.000 khách hàng và trên 196.000 khách hàng khu vực trung tâm được hưởng lợi ích do cấp nước được ổn định và cải thiện cả về chất lượng và dịch vụ.

Dự án Cấp nước đảo Cát Hải – giai đoạn I: xây dựng trạm bơm tăng áp Đình Vũ và đầu tư xây dựng hệ thống tuyến ống truyền dẫn nước D500 L=4,7km nối tiếp đến trạm bơm tăng áp Đình Vũ, tuyến ống D600-D400 L=13km qua cầu Đình Vũ Cát Hải để phục vụ cấp nước cho các Khu công nghiệp, nhà máy sản xuất và nhân dân trên đảo Cát Hải.

Dự án cấp nước đảo Hòn Dấu: xây dựng bổ sung khoảng 10km tuyến ống truyền dẫn D400-DN280 và đặc biệt là 02 tuyến ống xi phông DN225 L=720m/tuyến vượt biển sang đảo Hòn Dấu để cấp nước cho Dự án khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng sinh thái đảo Hòn Dấu và cấp nước cho đồn biên phòng, trạm hải đăng và đền thờ hiện có trên đảo.

Dự án cấp nước đảo Vũ Yên: xây dựng tuyến ống D300 L=900m trong đó có đoạn xi phông HDPE DN355 được lắp đặt ngầm dưới lòng sông Cấm bằng công nghệ khoan kích ngầm có định hướng (HDD) để cấp nước cho Dự án khu sân golf và nghỉ dưỡng đảo Vũ Yên.

Dự án xây dựng bể lọc tiếp xúc sinh học U-BCF công suất 100.000m³/ngày tại nhà máy nước An Dương với vốn viện trợ của Nhật Bản để xử lý vấn đề ô nhiễm hữu cơ nguồn nước thô, nâng cao chất lượng nước sạch cấp cho nhân dân.

Dự án xử lý nước biển công suất 1.500m³ NMN Cái Giá, đơn nguyên 1 và đơn nguyên 2, sử dụng công nghệ lọc nước biển sang nước ngọt cho đảo Cát Bà.

Dự án Cấp nước khu công nghiệp Nam Tràng Cát cung cấp nước sạch cho khu công nghiệp Nam Tràng Cát.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn Thành phố Hải Phòng. Sản xuất nước tinh lọc (nước uống đóng chai).

- Khảo sát, thiết kế, giám sát và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, công trình dân dụng, công nghiệp, điện, cơ khí, giao thông.

- Hoạt động tư vấn quản lý chất lượng nước, dịch vụ lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm định dự án cấp nước, kiểm nghiệm chất lượng nước, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh, bán buôn thiết bị, vật tư ngành nước.

2.2. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hải Phòng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

* Mô hình quản trị: Theo quy định tại khoản a điều 137 Luật doanh nghiệp

* Cơ cấu bộ máy quản lý:

Chức năng của các phòng ban:

- Phòng Tổ chức – Hành chính:

- Giải quyết các công việc liên quan đến: chính sách người lao động, tiền lương, tiền thưởng.
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về công tác tổ chức, tuyển dụng, đào tạo.
- Giải quyết các công việc hành chính cơ quan, quản lý con dấu.

• Phòng Kế hoạch:

- Tham mưu với lãnh đạo Công ty về việc lập kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện cũng như tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm.
- Đề xuất các biện pháp để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

• Phòng Kỹ Thuật:

- Tham mưu và thực hiện quản lý công tác kỹ thuật trên các lĩnh vực sản xuất, mạng lưới, công trình cấp nước, lập quy hoạch và thiết kế các dự án phát triển hệ thống cấp nước, lập kế hoạch đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến cải tạo.

• Phòng Tài chính – Kế toán:

- Tham mưu và thực hiện quản lý, giám sát toàn bộ các hoạt động về tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Tổ chức sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả; giám sát, kiểm tra chặt chẽ các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu tài chính hàng năm.

• Phòng Vật tư:

- Tham mưu và thực hiện công tác quản lý và cung ứng vật tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

• Phòng Khách hàng:

- Giao dịch với khách hàng về dịch vụ cấp nước.
- Quản lý và vận hành hệ thống hoá đơn và các khoản phải thu, vận hành Trung tâm Call center, Fanpage Cấp nước Hải Phòng, cấp và quản lý danh bạ khách hàng, nhập số liệu, lập, in các loại hóa đơn, tổng hợp số liệu sản xuất nước, kiểm tra bảo vệ các công trình cấp nước, giải quyết các trường hợp vi

phạm hợp đồng dịch vụ cấp nước, các đơn thư khiếu nại, khảo sát đánh giá chất lượng dịch vụ.

• **Phòng Kiểm tra chất lượng nước:**

- Quản lý chất lượng nước sản xuất. Nghiên cứu, áp dụng tiên bộ khoa học – kỹ thuật trong lĩnh vực kiểm nghiệm, xử lý nước, xây dựng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về sử dụng hóa chất do sản xuất.
- Theo dõi các nguồn nước đang và sẽ khai thác.

• **Phòng Công nghệ thông tin:**

- Quản lý, bảo trì, giám sát, vận hành và đảm bảo thông suốt mạng máy tính và các thiết bị tin học bao gồm cả phần cứng và phần mềm.
- Thiết kế các hệ thống tự động hóa, vận hành các hệ thống tự động hóa, Scada trong toàn Công ty.

• **Phòng Quản lý hoạt động xây dựng:**

- Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình phù hợp với quy định của pháp luật, cập nhật các văn bản luật phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất, kiểm tra việc thực hiện các văn bản pháp luật trong hoạt động xây dựng.

• **Ban quản lý CTCN và vệ sinh thành phố:**

- Thay mặt chủ đầu tư quản lý các dự án đầu tư xây dựng, công trình được giao.
- Tham mưu đặc lực cho chủ đầu tư về các trình tự, thủ tục đầu tư theo đúng luật xây dựng, luật đấu thầu, nghị định và các quy định khác của Pháp luật.
- Tổ chức lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, lập dự toán, tổng dự toán, tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế.
- Tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng với nhà thầu. Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát.
- Thanh quyết toán công trình theo đúng quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước ban hành và các văn bản quy định về xây dựng cơ bản.

* **Các công ty con, công ty liên kết**

- Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng có đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng - tiền thân là Xí nghiệp Cấp nước Vật Cách Hải Phòng, có trụ sở tại thôn Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2009.

- Tỷ lệ góp vốn cũng như tỷ lệ biểu quyết là 65,29% với giá trị đầu tư là 21.938.000.000 đồng.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty con: Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các hộ dân trên vùng phục vụ và 100% các hộ dân khu vực đô thị với tiêu chuẩn chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, duy trì bền vững, mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng cấp nước theo hướng hiện đại, văn minh đạt trình độ hạ tầng cấp nước của những thành phố phát triển trong khu vực, tiến tới ngang tầm với hệ thống cấp nước của các nước phát triển trên thế giới.

- Đảm bảo tối thiểu 99% khách hàng hài lòng với chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Xây dựng và thực hiện văn hoá Công ty.

- Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng các nhà máy nước, hệ thống ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch của Thành phố. Xây dựng lộ trình thực hiện



các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, du lịch và các khu công nghiệp của thành phố.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2021 xuống dưới 11,8%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước.

- Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn Việt Nam QC 01/2009-BYT. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế khá, giỏi về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Coi trọng khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Xây dựng thương hiệu, quảng bá doanh nghiệp giúp khách hàng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm dù là nước máy, nước đóng chai hay các sản phẩm trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng hệ thống cấp thoát nước.

- Sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Luôn đảm bảo cấp nước an toàn và đầy đủ cho khách hàng, đặc biệt là khi có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế.

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Hoạt động chủ yếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu thiết yếu cho người dân và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Năm 2020 là một năm đầy biến động, SXKD của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hải Phòng gặp nhiều khó khăn, sản xuất bị giảm sút do dịch Covid- 19. Do đó, những rủi ro kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro về luật pháp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra việc nhiều nghị định được đưa vào ban hành nhưng chưa có thông tư hướng dẫn cụ thể khiến cho Công ty cũng gặp khó khăn trong việc áp dụng.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

5.3. Rủi ro đặc thù.

5.3.1. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

- Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các sông Rế, Đa Độ, Luộc là hạ lưu của sông Thái Bình, sông Hồng. Nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vào sự điều tiết của các đập thủy điện thượng lưu do đó tương đối không ổn định. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài làm cho các nguồn nước thô tại Hải Phòng có nguy cơ bị xâm nhập mặn, nhiễm cứng

thiếu về trữ lượng và chất lượng, bị ô nhiễm hoặc thiếu hụt nguồn nước để sản xuất đang và đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty và việc đảm bảo an ninh, an toàn nước sạch trên địa bàn Thành phố. Do đó ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp như đã xảy ra tại đảo Cát Bà. Để ngăn ngừa các rủi ro trên, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng nước:

- + Kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới thường xuyên, xử lý kịp thời các trường hợp nước trên mạng lưới bị ô nhiễm.

- + Thường xuyên theo dõi kết quả phân tích chất lượng nước thô nhằm phát hiện biến động về chất lượng nước, lập tức đề ra biện pháp khắc phục, xác định chủng loại và định lượng hóa chất phù hợp để áp dụng vào sản xuất.

- + Xây dựng các cụm xử lý nước mặn và nước lợ thành nước ngọt phục vụ nhu cầu dùng nước của huyện đảo.

- + Tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới, lắp đặt bổ sung các thiết bị đo chất lượng nước trên mạng lưới và tại các trạm bơm, nhà máy.

5.3.2. Rủi ro thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại khoảng 10,37%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống công thoát nước..).

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò rỉ. Hơn nữa, nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, chúng sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

Hiện nay Công ty đang ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nước thất thoát như: Hệ thống thông tin địa lý GIS, hệ thống Scada, Telemetry - hỗ trợ quản lý, phân tích và đánh giá mạng lưới cấp nước...

5.4. Rủi ro khác.

- Dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp mang lại thách thức chưa từng có, ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam nói chung, cũng như các doanh nghiệp nói riêng. Công ty Cổ phần Cấp nước Hải

Phòng cũng bị ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động SXKD như: Sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu sụt giảm do nhóm ngành sản xuất, du lịch, dịch vụ,... cũng bị sụt giảm do Covid-19, đồng thời theo chỉ đạo của Chính phủ và UBND Thành phố Công ty thực hiện miễn giảm tiền nước cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh; Công ty vừa phải đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, cấp nước an toàn đầy đủ cho khách hàng vừa phải đảm bảo thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, dẫn cách xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố và các cấp sở ngành.

- Việc các nguồn nước thô tại Hải Phòng có nguy cơ bị xâm nhập mặn, bị ô nhiễm hoặc thiếu hụt nguồn nước để sản xuất đang và đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty và việc đảm bảo an ninh, an toàn nước sạch trên địa bàn Thành phố.

- Việc phân quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước tại khu vực đô thị và khu vực nông thôn đang gây ra các vướng mắc và xung đột về đầu tư phát triển cấp nước. Hiện nay, yêu cầu về chất lượng dịch vụ cấp nước tại khu vực nông thôn cũng tương đương với khu vực đô thị, nhất là chủ trương của Nhà nước trong việc xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, tại khá nhiều địa bàn nông thôn đang do các đơn vị cấp nước khác cung cấp, người dân đã yêu cầu được sử dụng nước của Công ty. Trong các năm qua, Thành ủy, HĐND, UBND thành phố cũng chỉ đạo Công ty tăng cường đầu tư cấp nước cho khu vực đô thị, các khu cụm công nghiệp và đặc biệt là khu vực nông thôn. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật hiện hành, mỗi vùng phục vụ cấp nước chỉ có một đơn vị cấp nước, và các đơn vị cấp nước có các hợp đồng, thỏa thuận cấp nước với UBND các xã, thị trấn, nên việc đầu tư mở rộng vùng phục vụ cấp nước của Công ty sang các khu vực nông thôn theo nhiệm vụ được Thành phố giao gặp khá nhiều khó khăn do phải giải quyết các vướng mắc về địa bàn phục vụ với các đơn vị cấp nước khác.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch (1)	Thực hiện (2)	So sánh (2)/(1) (%)
1.	Khách hàng		330.000	331.000	+0,3
2.	Nước sản xuất	Triệu m ³	82,08	80,36	-2,1

3.	Nước tiêu thụ	Triệu m3	72,44	72,54	+0,1
4.	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	919,4	930,4	+1,2
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	96,9	102,6	+5,9
6.	Tỷ lệ thất thoát	%	11,7	10,37	-11,3

*** Đánh giá tình hình:**

Mặc dù năm 2020 là năm tác động lớn của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế; tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn cũng như ô nhiễm nguồn nước ngày càng tăng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng; nhưng nhờ triển khai thực hiện hữu hiệu những giải pháp về khai thác nguồn vốn, về thị trường, công nghệ sản xuất, triệt để tiết kiệm, áp dụng chính sách giá linh hoạt, hợp lý, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng với sự chỉ đạo, giám sát, điều hành của HĐQT, ban giám đốc giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã giữ vững, ổn định sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2020 đã đề ra. Cụ thể:

- Tỷ lệ thất thoát giảm, giúp công ty tiết kiệm được mức chi phí lớn.
- Doanh thu và thu nhập khác tăng khoản 1,2%.
- Lợi nhuận trước thuế tăng 5,9%
- Lượng khách hàng tăng nhẹ, khoảng 0,3%.
- Thu nhập của CBCNV ổn định, ở mức khá so với mặt bằng chung của Thành phố.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1. Ông Trần Việt Cường - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Trần Việt Cường
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 11/09/1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- CMND : 030927877 - Ngày cấp: 18/04/2007 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Kim Thái - Vụ Bản – Nam Định

- Nơi ở hiện nay: Số 1/78 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, kỹ sư điện tàu biển, cử nhân tiếng anh, kỹ sư xây dựng

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty: 26.132.616 CP (chiếm 35,2%). Trong đó

+ Cá nhân sở hữu là: 100.000 CP

+ Đại diện sở hữu là: 26.032.616 CP

2.1.2. Ông Đặng Hữu Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

- Họ và tên : Đặng Hữu Dũng

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 04/03/1962

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 030141876 - Ngày cấp: 08/02/2006 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

- Nơi ở hiện nay: Lô 26A tổ 30 phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư quản trị kinh doanh, kỹ sư cấp thoát nước

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty: 86.400 CP (chiếm 0,12%)

2.1.3. Ông Trần Văn Dương – Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc thường trực

- Họ và tên : Trần Văn Dương

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 07/03/1970

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 031070004759 - Ngày cấp: 18/01/2018 - Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

- Quê quán : Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng

- Nơi ở hiện nay: Số 6/183, đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty: 15.192.379 CP (chiếm 20,47%). Trong đó

+ cá nhân sở hữu là: 165.000 CP

+ Đại diện sở hữu là: 15.027.379 CP

2.1.4. Ông Vũ Hồng Dương - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Vũ Hồng Dương

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 30/06/1958

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 030058000035 - Ngày cấp: 18/07/2014 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- Quê quán : Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

-Nơi ở hiện nay: Số 7 khu nhà ở ven hồ Phương Lưu, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước

2.1.5. Ông Cao Văn Quý – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên : Cao Văn Quý

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 10/09/1973

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 031073005575

- Quê quán : Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Nơi ở hiện nay: Thôn 2, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật công nghệ nước và nước thải- Kỹ sư xây dựng ngành cấp thoát nước
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty: 3.860.464 CP (chiếm 5,2%). Trong đó
- + Cá nhân sở hữu là: 150.000 CP
- + Đại diện sở hữu là: 3.710.464 CP

2.1.6. Ông Trịnh Anh Tuấn – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên : Trịnh Anh Tuấn
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 03/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 031071005071
- Quê quán : Nhân Mỹ, Lý Nhân, Hà Nam
- Nơi ở hiện nay: Số 10/5 Phù Đổng, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng - Môi trường nước Cấp thoát nước- Kỹ sư xây dựng-xây dựng dân dụng công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty: 35.000 CP (chiếm 0,05%).

2.1.5. Ông Nguyễn Đăng Ninh- Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng

- Họ và tên : Nguyễn Đăng Ninh
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 29/10/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 031076001176 - Ngày cấp: 15/05/2015 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Quê quán : Xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Nơi ở hiện nay : Lô 2 khu dân cư Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán, Cử nhân Tiếng anh.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty: 7.727.551 CP (chiếm 10,4%). Trong đó

+ Cá nhân sở hữu là: 121.100 CP

+ Đại diện sở hữu là: 7.606.451 CP

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2020:

+ Tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.028 người;

Trong đó: - Lao động nam: 572 người.

- Lao động nữ: 456 người.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, bảo hiểm, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, đào tạo, ăn giữa ca, tham quan, nghỉ mát, sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ tương trợ, chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần ... được duy trì thực hiện đầy đủ, đúng quy định giúp người lao động yên tâm, gắn bó với doanh nghiệp, công tác với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Để đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, trong những năm qua công ty đã tích cực, chủ động triển khai nhiều dự án cấp nước có hiệu quả cao:

- Hoàn thành Dự án đầu tư mở rộng HTCN thành phố Hải Phòng – giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) bao gồm các hạng mục: (i) xây dựng Nhà máy nước Hưng Đạo công suất 25.000 m³/ngày, cải tạo nhà máy nước Đồ Sơn thành trạm bơm tăng áp, cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước cho khu vực quận Đồ Sơn, Dương Kinh; (ii) xây dựng Nhà máy nước Ngũ Lão công suất 25.000 m³/ngày, xây dựng trạm bơm tăng áp Tân Dương sẵn sàng cung cấp nước

cho khu đô thị - trung tâm hành chính Bắc Sông Cẩm và các khu đô thị, công nghiệp tập trung trên địa bàn huyện Thủy Nguyên; (iii) xây dựng hạng mục cấp nước Kim Sơn với việc lắp đặt các tuyến ống chuyên tải từ D600 – D400 liên thông kết nối với các nhà máy nước Vật Cách, An Dương, Ngũ Lão tạo thành mạng vòng cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn giữa các nhà máy; (iv) cải tạo và nâng công suất nhà máy nước An Dương lên 200.000 m³/ngày, lắp đặt các tuyến ống trực D800-D500 đáp ứng nhu cầu dùng nước cho việc mở rộng không gian đô thị nội thành Hải Phòng.

- Cơ bản hoàn thành dự án nâng cấp NMN An Dương sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản. Dự án gồm 2 hạng mục: xây dựng cụm bể lọc tiếp xúc sinh học UBCF công suất 100.000m³/ngày tại nhà máy nước An Dương; nâng cấp trạm bơm Quán Vĩnh. Với công nghệ Nhật Bản thân thiện với môi trường, xử lý ô nhiễm hữu cơ trong nước thô, Công ty đã chủ động ứng phó, xử lý ô nhiễm hữu cơ trong nước nguồn, tiết kiệm hóa chất, cải thiện chất lượng, dịch vụ cấp nước cho khu vực nội thành Hải Phòng.

- Hoàn thành xây dựng tuyến ống nước thô D1000 số 3 từ Trạm bơm Quán Vĩnh đến Ngã tư Cơ Điện, cung cấp nước thô với hệ số an toàn 1,5 lần so với yêu cầu sản xuất tại Nhà máy nước An Dương là 200.000 m³/ngày.

- Đầu tư phát triển cấp nước nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới như: Cấp nước thôn Tứ Duy – xã Hưng Nhân, cấp nước cụm dân cư số 7 và xóm Cầu Thượng – xã Vĩnh An – huyện Vĩnh Bảo; Cấp nước thôn Kênh Hữu, Thượng Đồng, An Đồng, Hạ Đồng – xã An Hòa – huyện Vĩnh Bảo.

- Triển khai các dự án lắp đặt các tuyến ống truyền tải, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, trạm bơm và phát triển hệ thống cấp nước.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tình hình sản xuất, kinh doanh và số liệu báo cáo tài chính của Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng là:

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2020
1	Tổng tài sản	112.455.701.083
1.1	Tài sản ngắn hạn	60.298.363.667
1.2	Tài sản dài hạn	52.157.337.416
2	Tổng nguồn vốn	112.455.701.083
2.1	Nợ phải trả	9.696.823.604

2.2	Vốn chủ sở hữu	102.758.877.479
3	Doanh thu	98.652.689.583
4	Doanh thu hoạt động tài chính	773.595.481
5	Thu nhập khác	984.829.660
6	Chi phí khác	983.829.660
7	Lợi nhuận trước thuế	25.198.886.196
8	Lợi nhuận sau thuế	21.671.042.129

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

(Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm 2020/2019
Tổng giá trị tài sản	2.500.689.950.394	2.449.536.312.444	+2,09
Doanh thu thuần	899.038.950.913	869.363.049.854	+3,4
Lợi nhuận từ HĐ SXKD	103.332.334.267	95.825.658.220	+7,84
Lợi nhuận khác	(720.100.451)	965.617.674	-174,6
Lợi nhuận trước thuế	102.612.233.816	96.791.275.894	+6,02
Lợi nhuận sau thuế	83.802.888.693	78.723.816.035	+6,46
Tỷ lệ trả cổ tức	8%	8%	

(Nguồn: Các chỉ tiêu được lấy số liệu trên BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,12	0,61	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/</u> Nợ ngắn hạn	1,02	0,53	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ: Nợ phải trả /Tổng tài sản	0,62	0,61	
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,6	1,58	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	11,93	9,59	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,36	0,35	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,093	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,034	0,03	



+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,115	0,11
---	-------	------

(Nguồn: Các chỉ tiêu được lấy số liệu trên BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng.
- Mã cổ phiếu: HPW
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký: 74.206.940 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 742.069.400.000 VNĐ

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị : nghìn VND

Danh mục	Cổ đông trong nước		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông nhà nước	59.797.840	597.978.400.000	80,58
2. Cổ đông ngoài	14.409.100	144.091.000.000	19,42
Tổng cộng	74.206.940	742.069.400.000	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

5.5. Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2020 là:

STT	Tên vật liệu	Tổng cộng	
		Lượng (kg)	Tiền
1	Phèn PAC	881.546	9.551.061.434
2	Phèn nhôm sunphat	23.808	97.019.086
3	Clo	208.577	2.836.656.756
4	Vôi	149.350	283.765.000
5	Gia ven Việt Trì	104.113	381.824.540
6	Than hoạt tính	16.390	404.704.261
7	NAOH 99%	1.375	23.787.500
8	Muối công nghiệp	6.135	64.650.755
9	Thuốc tím KMnO4	23.112	1.672.515.312
10	Chất chống cáu cặn Genesys LF	868	157.900.664
11	Axit Oxalic (C2H2O4)	797	26.699.500
12	Sodium Metabisulfite	225	9.000.000
13	Sodium Percarbonat	1.000	22.000.000
	TỔNG		15.531.584.808

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Diễn giải	KW	Thành tiền
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	13.399.969	24.855.052.515
2	Khu vực Văn Phòng	525.277	1.001.591.276
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	2.598.256	4.705.450.055
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	1.229.135	2.170.696.804

STT	Diễn giải	KW	Thành tiền
5	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 6	2.241.461	3.833.506.207
6	Xí nghiệp Cấp nước Cát Bà	1.240.616	2.257.918.168
7	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	785.652	1.443.201.860
8	NMN Minh Đức	279.748	505.013.460
	Tổng cộng	22.300.114	40.772.430.345

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

STT	Xí nghiệp sản xuất nước	Sông nguồn	M3	Thành tiền
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	Sông Rế	48.863.132	43.976.818.800
2	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	Sông Rế	4.311.798	3.880.618.200
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	Sông Đa Độ	14.323.113	12.890.801.700
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 8	Sông Đa Độ	7.973.741	7.176.366.900
5	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	Chanh Dương	2.701.685	2.431.516.500
6	NMN Minh Đức		774.853	697.367.700
	Tổng cộng		78.948.322	71.053.489.800

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng; Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.028 người

Trong đó: + Lao động là nam: 572 người.

+ Lao động nữ: 456 người.

- Tiền lương bình quân: 8,9 triệu đồng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế trả lương, thưởng, ăn ca, Thỏa ước lao động tập thể... Cụ thể:

Đảm bảo 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định với mức lương bình quân 8.900.000 đ/người/tháng năm 2020. Các chế độ chính sách như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ bồi dưỡng ca 3, độc hại, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, khám chuyên khoa cho nữ CBCNV 1 năm 2 lần ... được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước. Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh sạch sẽ theo quy định.

Ngoài lương và chế độ chính sách theo quy định của nhà nước, người lao động còn được công ty quan tâm chi tiền, tặng quà vào các dịp lễ, tết như ngày 8/3, 20/10, 30/4, 2/9, tết dương lịch, tết âm lịch, thưởng quý, tháng lương thứ 13, mua bảo hiểm thân thể 24/24, trợ cấp 6 tháng lương và tặng quà cho CBCNV nghỉ hưu, trợ cấp CBCNV khi ốm đau phải điều trị dài ngày.... đều được quy định chi tiết trong thỏa ước lao động tập thể.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức các chương trình tham quan học tập nghỉ mát trong nước và nước ngoài để cho CBCNV có dịp học hỏi các đơn vị bạn, nâng cao tầm hiểu biết và được nghỉ dưỡng để tái tạo sức lao động.

Câu lạc bộ văn hóa - ngoại ngữ - thể thao Công ty được duy trì thường xuyên, hàng năm đều được Công ty tạo điều kiện tổ chức các giải thể thao như giải bóng đá, cầu lông, tennis, kéo co... tạo sân chơi lành mạnh cho hàng trăm người lao động tham gia thi đấu và cổ vũ tạo khí thế thi đua sôi nổi; tổ chức các Đoàn thể thao văn nghệ tham gia các giải văn hóa thể thao của Đảng ủy Khối doanh nghiệp, Công đoàn Ngành Xây dựng, Chi hội cấp nước miền Bắc và Toàn quốc. Ngoài ra,

Công ty còn trang bị máy đo huyết áp tại chỗ để cho CBCNV chủ động kiểm tra sức khỏe, lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời cho CBCNV tại các đơn vị, chi nhánh xí nghiệp nhằm khuyến khích phong trào thể dục, thể thao, tự rèn luyện tăng cường sức khỏe.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có phẩm chất chính trị, chuyên môn, có khả năng điều hành và làm chủ thiết bị công nghệ cao; đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên kinh doanh tiêu thụ có phong cách phục vụ khách hàng tốt. Năm 2020, công ty đã tổ chức 24 khoá đào tạo, tập huấn, cho cán bộ công nhân viên công ty với các lớp đào tạo: giám đốc chiến lược, trung cấp lý luận chính trị, công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, đào tạo quản lý vận hành bể lọc tiếp xúc sinh học UBCF, bổ sung nghề nghiệp vận hành công trình cấp nước NMN Ngũ Lão; các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán thuế, nghiệp vụ đấu thầu, kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch cấp nước an toàn, hóa đơn điện tử và pháp luật lao động; các lớp học về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, tập huấn sử dụng điện thoại thông minh kiểm soát công tác tiêu thụ, kỹ thuật bảo dưỡng bơm Wilo, bồi dưỡng nghiệp vụ phân tích và kiểm soát chất lượng nước, tập huấn phòng chống dịch Covid-19...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là đơn vị có truyền thống uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách, do vậy trong năm qua Công ty luôn thực hiện tích cực tham gia ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, quỹ vì Trường Sa, Hoàng Sa, ủng hộ lụt bão và các hội từ thiện, hội chữ thập đỏ, các hoạt động xã hội của thành phố và các sở ban ngành.... với số tiền hàng trăm triệu đồng.

Trong năm 2020, Công ty cũng luôn đồng hành cùng với Thành phố về trách nhiệm cộng đồng: ủng hộ kinh phí phòng chống dịch Covid - 19 với số tiền hơn 100 triệu đồng, phát động CBCNV nhắn tin ủng hộ qua tổng đài 1407 với số tiền trên 70 triệu đồng; ủng hộ Quỹ vì người nghèo Thành phố 20 triệu đồng; ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt với số tiền là 250 triệu đồng. Đặc biệt, trên cơ sở yêu cầu của Chính phủ về việc miễn giảm tiền nước cho các đối tượng bị ảnh hưởng do đại dịch Covid - 19, Công ty đã đề xuất và báo cáo UBND Thành phố về phương án miễn giảm tiền nước đối với các hộ nghèo, cận nghèo, cơ sở cách ly tập trung và được UBND Thành phố phê duyệt, số tiền miễn giảm giá

tiền nước với các đối tượng theo QĐ số 35/2020/QĐ-UBND vào 3 kỳ hóa đơn liên tiếp là tháng 4, tháng 5 và tháng 6 với tổng số tiền trên 1,3 tỷ đồng.

Hưởng ứng các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, Hội Cựu chiến binh công ty mỗi năm đều tổ chức tri ân CBCNV là thương binh, thân nhân liệt sỹ, cựu quân nhân vào các ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; tham gia đóng góp với hội khối xây dựng nhà tình nghĩa cho cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của công ty là:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	899.038.950.913	869.363.049.854
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02]		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	[10]	899.038.950.913	869.363.049.854
4. Giá vốn hàng bán	[11]	571.572.709.319	514.991.070.795
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	[20]	327.466.241.594	354.371.979.059
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	18.552.240.350	14.033.600.923
7. Chi phí tài chính	[22]	28.497.128.908	23.777.928.731
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]	27.515.263.251	22.492.355.025
8. Chi phí bán hàng	[25]	129.483.301.382	125.629.255.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26]	84.705.717.387	123.172.737.350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	[30]	103.332.334.267	95.825.658.220
11. Thu nhập khác	[31]	12.790.030.794	11.677.275.389
12. Chi phí khác	[32]	13.510.131.245	10.711.657.715
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	[40]	(720.100.451)	965.617.674
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	[50]	102.612.233.816	96.791.275.894
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]	18.809.345.123	18.067.459.859
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	[60]	83.802.888.693	78.723.816.035

Những tiền bộ công ty đã đạt được: Mặc dù có nhiều khó khăn và đặc biệt ảnh hưởng đại dịch Covid-19 nhưng với sự ủng hộ của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban ngành; sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT Công ty, Ban Lãnh đạo Công ty và sự cố gắng, nỗ lực của tập thể CBCNV, Công ty vẫn tiếp tục giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh, cung cấp đủ nước có chất lượng đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước ăn uống với dịch vụ ngày càng đa dạng, thuận tiện và nâng cao. Tháng 12/2020 vừa qua, Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng vô cùng vinh dự được Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới lần thứ 2” vào đúng dịp Kỷ niệm 115 năm ngành nước Hải Phòng và khánh thành Nhà máy nước An Dương nâng công suất lên 200.000 m³/ngày, ghi nhận những thành tích và đóng góp to lớn của Công ty trong quá trình phát triển. Đây là niềm vinh dự và tự hào của toàn thể CBCNV Công ty cũng như nhân dân Thành phố.

1.2. Lĩnh vực sản xuất – Chất lượng nước

Trước tình hình nguồn nước thô đang phải đối mặt với tình trạng suy thoái do ô nhiễm từ các hoạt động kinh tế - xã hội; biến đổi khí hậu và việc nước biển dâng, đặc biệt là diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Cấp nước Hải Phòng vẫn duy trì sản xuất và đảm bảo cấp nước cho 1,5 triệu dân với đa dạng mục đích sử dụng, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội của thành phố. Chất lượng nước cấp đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009 của Bộ Y tế. Với 9 nhà máy nước và 11 trạm bơm tăng áp với tổng công suất lên tới 380.000m³/ngày, đảm bảo phục vụ cấp nước ổn định cho trên 331.000 khách hàng tương đương với 1,5 triệu dân.

Năm 2020, các hạng mục cuối cùng của Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Hải Phòng giai đoạn 2 bằng vốn vay của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) được hoàn thành. Trong đó bao gồm việc nâng công suất thiết kế của nhà máy nước An Dương lên 200.000m³/ngày, xây dựng mới nhà máy nước Ngũ Lão tại huyện Thủy Nguyên với công suất thiết kế 25.000m³/ngày. Các nhà máy hoàn thành nâng cao năng lực cấp nước và đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị của Thành phố.

Riêng đối với Cát Bà là khu vực đặc thù có khó khăn về nguồn nước do bị ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu. Bên cạnh 1 cụm xử lý nước biển theo công nghệ Israel và 1 cụm xử lý nước lợ theo công nghệ Hà Lan đã được triển khai những năm trước, Công ty đã chủ động khoan 02 giếng tại xã Hải Sơn; lắp đặt bình lọc áp lực và sửa chữa 02 giếng khoan tại Áng Vả và Núi Ngọc; khoan 04 giếng và triển khai lắp đặt thêm 1 cụm xử lý nước lợ công suất 1.000m³/ngày tại Phù Long,

nâng tổng công suất cấp nước của khu vực Cát Bà lên 12.000m³/ngày, đảm bảo cung cấp đủ nước cho nhân dân và mục tiêu phát triển kinh tế của đảo. Năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thêm 1 cụm xử lý nước biển công suất 1.500m³/ngày để đảm bảo cấp nước an toàn.

Thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến hiện đại để nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước, nâng công suất của NMN để đảm bảo chất lượng dịch vụ cấp nước, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, đồng thời đủ năng lực để đối phó trong các trường hợp sự cố bất khả kháng có thể xảy ra.

1.3. Lĩnh vực Kinh doanh tiêu thụ

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2019, năm 2020 Công ty tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến vào trong hoạt động sản xuất, quản lý kinh doanh mang lại hiệu quả cao và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước:

- Tiếp tục duy trì và từng bước cải tiến phương pháp đọc – thu đồng hồ nước một lần bằng điện thoại thông minh trên toàn công ty. Việc cải tiến quy trình đọc – thu đã tạo được phản hồi tốt của khách hàng. Cùng với đó là việc duy trì đa dạng các hình thức thanh toán cho khách hàng như: ủy thác thanh toán tự động, chuyển khoản, cửa hàng tiện ích; bổ sung các kênh thanh toán: VNPTpay, ECPay bên cạnh kênh thanh toán Payoo, ViettelPay, Zalopay, ví điện tử Momo đã triển khai trước đó.

- Duy trì hiệu quả Trung tâm Chăm sóc Khách hàng (Call Center) để tiếp nhận và giải quyết các thông tin của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời qua số điện thoại 02253.51.58.58. Năm 2020, Trung tâm đã tiếp nhận và giải quyết trên 18.000 thông tin tư vấn, giải đáp thắc mắc, sự cố về cấp nước. Thành lập mới bộ phận Dịch vụ sửa chữa sau đồng hồ để tạo sự thuận tiện cho khách hàng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Triển khai lấy mẫu, kiểm tra chất lượng nước sau đồng hồ đối với khách hàng đặc thù như trường học, bệnh viện, doanh nghiệp sản xuất có nhà ăn ca... nhằm kiểm soát tốt hơn chất lượng nước sau đồng hồ của khách hàng; đưa ra những khuyến nghị đối với khách hàng nếu chất lượng nước sau đồng hồ có vấn đề.

- Duy trì trang fanpage trên mạng xã hội facebook - một kênh thông tin để giúp khách hàng tiếp cận tình hình cấp nước một cách nhanh nhất. Hoàn thiện các quy trình cung cấp dịch vụ như lắp đặt máy nước, thay đổi thông tin khách hàng và

các dịch vụ liên quan, đảm bảo khách hàng có thể đăng ký dịch vụ online trên website, qua điện thoại... rút ngắn thời gian giải quyết công việc và giảm bớt việc đi lại của khách hàng, đáp ứng mức độ cung cấp dịch vụ công theo quy định.

- Duy trì lắp đặt miễn phí đồng hồ nước cho khách hàng lắp đặt lần đầu và dịch vụ lắp đặt máy nước nhanh trong vòng 24h đang được khách hàng đánh giá cao.

- Công tác sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai HaiPhong Water ngày càng phát triển và có sức cạnh tranh tốt. Do chú trọng đến chất lượng sản phẩm nên đã chiếm được lòng tin của khách hàng, dần mở rộng và chiếm lĩnh được thị phần trên thị trường tiêu thụ. Đến nay, có trên 5.000 khách hàng tín nhiệm sử dụng sản phẩm, doanh thu năm 2020 đạt khoảng 9,6 tỷ đồng.

- Công tác phát triển khách hàng ra khu vực nông thôn mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng được sự ủng hộ của thành phố, các sở, ngành và sự tin dùng của chính người dân khu vực nông thôn nên Công ty đã chủ động, từng bước khắc phục khó khăn để triển khai các dự án mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước tại một số xã tại huyện Kiến Thụy, Vĩnh Bảo.

- Cùng với việc đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, công tác chống thất thoát luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong năm và cả nhiệm kỳ, do vậy Công ty luôn đặc biệt quan tâm đầu tư và chỉ đạo quyết liệt với nhiều giải pháp đồng bộ, khoa học và hiệu quả, cụ thể: tăng cường chỉ đạo công tác quản lý mạng lưới đường ống cấp nước theo từng khu vực theo đó các tổ quản lý chủ động phối hợp Xí nghiệp Đồng hồ để phát hiện các điểm rò rỉ nước để sửa chữa kịp thời; áp dụng công nghệ khoa học như kiểm soát rò rỉ thông qua hệ thống Scada, đầu tư máy nghe thanh hiện đại dùng cho việc phát hiện rò rỉ nước; đầu tư thay thế các tuyến ống gang đã sử dụng lâu ngày có nguy cơ dễ rò, vỡ khi có tác động bằng các tuyến ống HDPE ... do làm tốt công tác chống thất thoát nước nên tỷ lệ thất thoát toàn Công ty được đảm bảo theo kế hoạch công tác đề ra với mức thấp hơn 12%.

Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp từ xây dựng, nâng cấp đến áp dụng công nghệ và tăng cường quản lý, tỷ lệ thất thoát của Công ty giảm đáng kể và nằm trong top các Công ty có tỷ lệ thất thoát thấp cả nước.

2. Tình hình tài chính

2.1. Công tác Tài chính.

- Cân đối thu chi đảm bảo trả nợ gốc và lãi vay các dự án đầy đủ, đúng hạn và trang trải đầy đủ các khoản chi phí vận hành giúp duy trì SXKD ổn định, đảm bảo

lợi nhuận theo kế hoạch, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 102,6 tỷ.

- Theo dõi và hạch toán các giao dịch kinh tế tài chính theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

- Lập và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

2.2. Tình hình tài sản

Số liệu về biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ là:

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.092.145.392.982	339.871.630.046	752.273.762.936
2	Máy móc, thiết bị	260.067.662.732	122.772.063.826	137.295.598.906
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.876.627.649.197	886.918.043.306	989.709.605.891
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7.257.273.035	6.101.196.039	1.156.076.996
5	Tài sản khác	10.326.363.727	9.005.965.662	1.320.398.065
	Tổng cộng	3.246.424.341.673	1.364.668.898.879	1.881.755.442.794

Tình hình tài chính công ty biến động theo chiều hướng tốt, vốn công ty được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả cao, Công ty không có nợ phải thu xấu hoặc tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tính đến ngày 31/12/2020 nợ phải trả là 1.539.013.535.260 đồng trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 458.587.964.205 đồng

+ Nợ dài hạn: 1.080.425.571.055 đồng

- Nợ phải trả xấu: Không có

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Khi nhận gốc vay ngoại tệ trong kỳ, giao dịch này được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Đối với khoản vay áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong sản xuất, quản lý

Cán bộ công nhân viên Công ty đã luôn tích cực nghiên cứu, cải tiến và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quản lý sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, góp phần đưa Công ty phát triển nhanh và bền vững:

- Triển khai đọc số và thu tiền bằng smartphone, xây dựng các phần mềm phục vụ công việc: phần mềm đọc đồng hồ khối; phần mềm theo dõi hệ thống SCADA trên điện thoại; phần mềm ứng dụng quản lý tác vụ cho nhân viên phòng khách hàng, các đơn vị quản lý kinh doanh tiêu thụ, quản lý mạng lưới, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị.

- Áp dụng hình thức trả lương qua tài khoản cho toàn bộ CBCNV đem lại nhiều lợi ích cho Công ty cũng như cho người lao động từ việc sử dụng tài khoản cá nhân như: tiết kiệm thời gian, công sức và đặc biệt là đảm bảo an toàn cá nhân; thay đổi dần nhận thức và thói quen sử dụng tiền mặt bằng văn hóa giao dịch qua ngân hàng hoặc thanh toán tự động điện tử trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại trong việc thanh toán các dịch vụ cung ứng điện, nước, điện thoại, viễn thông, truyền hình...góp phần từng bước nâng cao chất lượng đời sống.

- Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS nhằm nâng cao năng lực điều hành, quản lý tổng thể hệ thống cấp nước bắt kịp xu hướng phát triển của hệ thống cấp nước hiện đại trên thế giới.

- Lắp đặt đồng hồ tiêu thụ có phát sóng Radio để tăng năng suất lao động nâng cao chất lượng dịch vụ, khách hàng có thể kiểm tra để biết lượng nước tiêu thụ tại bất kỳ thời điểm nào khi cần.

- Tiếp tục phát hành và nâng cấp phần mềm hóa đơn điện tử, đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước: Thu tại quầy, thu tại nhà, thu qua tài khoản ngân hàng, thu qua các dịch vụ thanh toán trung gian Payoo, qua các dịch vụ viễn thông..., ưu

tiền thanh toán không dùng tiền mặt như: Qua tài khoản ngân hàng và các hình thức thanh toán trực tuyến, giảm dần tiến tới xóa bỏ hình thức thu tại nhà.

- Xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, mạng viễn thông để tiến tới các giao dịch của khách hàng với công ty chủ yếu là giao dịch trực tuyến.

- Nâng cấp phần mềm DVCN trực tuyến, để phục vụ đa số khách hàng khi có yêu cầu sử dụng dịch vụ cấp nước và các sản phẩm khác của công ty.

- Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động cấp nước của Công ty trên Website để khách hàng truy cập.

3.2. Hợp tác quốc tế

Công ty tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, đào tạo nhân lực, tìm kiếm nguồn vốn thực hiện các dự án cấp nước. Chủ trương của Đảng ủy Công ty về việc tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế đã được chỉ đạo và thực hiện tốt nhằm:

- Tăng cường đầu tư các dự án cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước để nâng cao năng lực cấp nước, giảm thất thoát nước, mở rộng diện phục vụ cấp nước, tăng số lượng khách hàng cấp nước.

- Đổi mới công tác quản lý, vận hành theo hướng tiên tiến, hiệu quả, yếu tố con người quản lý được đề cao.

- Đổi mới trang thiết bị, máy móc, vật tư, công nghệ theo hướng hiện đại, tiết kiệm chi phí vận hành, từng bước tự động hóa sản xuất thông qua các đối tác quốc tế trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp thiết bị ngành nước.

Với những mục tiêu cụ thể trên, Công ty đã triển khai hợp tác với Ngân Hàng Phát triển châu Á – ADB để vay vốn thực hiện dự án mở rộng hệ thống cấp nước TP Hải Phòng giai đoạn 2; Hợp tác kết nghĩa với Cục cấp thoát nước Kitakyushu và một số đối tác Nhật Bản qua đó tranh thủ sự ủng hộ để vận động nguồn kinh phí viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản cho việc xây dựng nâng công suất nhà máy nước An Dương; Duy trì hợp tác với các Công ty nước Yarra Valley Water - Australia, Công ty nước Singapore, Công ty ZOREX - Hàn Quốc, Bơm Wilo – Đức,.... để trao đổi kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản lý và đầu tư kỹ thuật công nghệ. Từ hoạt động hợp tác thiết thực, hiệu quả trong công việc, Công ty cũng góp phần cho công tác ngoại giao của thành phố thêm phong phú và đa dạng hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Lĩnh vực sản xuất nước và chất lượng nước:

- Đảm bảo cấp nước an toàn, kịp thời, đầy đủ nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ. Dự kiến sản lượng nước sản xuất năm 2021 là 83,8 triệu m³.

- Chất lượng nước đạt yêu cầu, phù hợp với QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống và mục tiêu chất lượng của các đơn vị.

4.2. Lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ và tài chính:

- Dự kiến năm 2021 phát triển khoảng 10.430 khách hàng nâng tổng số khách hàng dùng nước đạt khoảng 342.000 khách hàng.

- Phần đầu tỷ lệ thất thoát nước toàn công ty $\leq 11,8\%$; thất thoát sau đồng hồ khô $\leq 9\%$.

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nước phần đầu đạt 902 tỷ đồng. Doanh thu từ sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai đạt trên 11 tỷ đồng.

- Đẩy mạnh đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền nước và dịch vụ cấp nước trực tuyến.

- Tiếp tục thực hiện công tác đọc số và thu tiền một lần bằng Smartphone.

- Tiếp nhận và giải quyết các dịch vụ, yêu cầu của khách hàng trực tuyến qua website công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, bảo đảm thỏa đáng thu nhập của người lao động và nộp ngân sách đầy đủ.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Thực hiện các dự án đầu tư theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Công tác quản lý kế hoạch, tổ chức, tài chính đạt hiệu quả cao, đảm bảo trả đủ gốc và lãi vay đúng hạn.

- Phần đầu có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng hoặc cao hơn năm 2020. Doanh thu, chi phí của các khu vực được cập nhật và kiểm soát hàng ngày.

- Phần đầu trả cổ tức bằng hoặc lớn hơn dự kiến.

- Quản lý hiệu quả vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

4.3. Lĩnh vực khác:

- Hoạt động ổn định theo mô hình Công ty cổ phần.

- Bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; sự chỉ đạo của các cấp các ngành, đảm bảo hoạt động đúng hướng, đạt mục tiêu đề ra.

- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty.

- Phát huy phong trào thi đua nghiên cứu áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong công tác quản lý và sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng phục vụ, thực hiện tốt văn hóa Công ty. Thủ tục lắp đặt, sửa chữa, di chuyển máy nước được thực hiện nhanh chóng, đúng quy trình. Các khiếu nại của khách hàng được giải quyết hợp lý, kịp thời, đúng quy định.

- Áp dụng công nghệ và tiến bộ khoa học, tự động hóa vào quản lý hệ thống cấp nước.

- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án của Thành phố.

- Tổ chức các chương trình học tập, tham quan nghiên cứu, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV.

- Duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

- Quảng bá hình ảnh và nâng cao uy tín của Công ty. Nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc sử dụng nước và bảo vệ nguồn nước.

- Tích cực tham gia công tác xã hội.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Bằng các biện pháp thưởng/phạt khi sử dụng tiết kiệm hoặc lãng phí so với định mức kinh tế kỹ thuật trong quá trình sản xuất đối với nước sạch (nước thô), năng lượng (điện), Công ty đã triệt để tiết kiệm các nguồn nước, năng lượng dùng cho sản xuất, bán hàng và sinh hoạt đồng thời hạn chế đến mức tối đa nguồn phát thải ra ngoài môi trường.

91
V.G
PH
NU
HÒ
T.P

- Hệ thống xử lý nước của công ty hoạt động liên tục (24/24h), được kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu hàng ngày và đáp ứng tốt yêu cầu môi trường bên cạnh việc tăng cường trồng cây xanh, đảm bảo môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Mặc dù số lượng cán bộ công nhân viên khá đông, làm việc phân tán tại các tổ, đơn vị trong và ngoài thành phố nhưng Công ty đã không ngừng quan tâm phối hợp cùng Công đoàn và các đoàn thể khác thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên:

Bên cạnh việc tập trung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty đã xây dựng hình thức trả lương mới cho CBCNV, làm theo năng lực hưởng theo lao động giúp CBCNV hăng say, phấn đấu trong lao động, tăng năng suất, chất lượng công việc, đồng thời tạo điều kiện cho các hoạt động đoàn thể quần chúng và xã hội phát triển.

Đảng bộ Công ty luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh. Công đoàn Công ty luôn vận động cán bộ, công nhân viên tích cực tham gia và hưởng ứng các hoạt động chuyên môn; bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; đảm bảo quy chế dân chủ tại cơ sở; thực hiện tốt Thỏa ước lao động tập thể. Công đoàn và Công ty quan tâm đến công tác an toàn vệ sinh lao động, kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác an toàn, cung cấp trang phục bảo hộ và phương tiện bảo hộ cá nhân. Cùng với đó, công tác chăm lo sức khỏe cho người CBCNV cũng được Công ty quan tâm: tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV 1 năm 1 lần; tổ chức khám chuyên khoa cho nữ CBCNV 1 năm 2 lần; trang bị máy đo huyết áp tại chỗ để cho CBCNV chủ động kiểm tra sức khỏe và lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời cho CBCNV tại các đơn vị, chi nhánh xí nghiệp nhằm khuyến khích phong trào thể dục thể thao, tự rèn luyện tăng cường sức khỏe. Rà soát, tìm hiểu các trường hợp CBCNV khó khăn để tổ chức tặng quà cho các trường hợp CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được; cùng với việc thăm hỏi, tặng quà vào các dịp lễ, tết; tặng quà cho con em CBCNV đạt thành tích trong học tập, vui hè cho các cháu thiếu nhi. Hưởng ứng các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, Hội Cựu chiến binh công ty mỗi năm đều tổ chức tri ân CBCNV là thương binh, nhân nhân liệt sỹ, cựu quân nhân vào các ngày lễ như Ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; tham gia đóng góp với hội khối xây dựng nhà tình nghĩa cho cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn.

Với phương châm hoạt động đoàn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, Đoàn Thanh niên Công ty thường xuyên cập nhật kiến thức pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác, phục vụ tốt hơn cho công việc, chủ động nghiên cứu, học tập, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào quá trình sản xuất nước. Ngoài ra, còn tham gia viết các phần mềm ứng dụng phục vụ cho công việc của Công ty như: phần mềm quản lý nhân công thuê ngoài, phần mềm đọc thu trên smartphone, phần mềm Scada mobile; các ứng dụng quản lý cho các bộ phận

Việc chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động cũng được Công ty chú trọng quan tâm. Đây cũng là thế mạnh của Công ty và đã được Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ Công ty phối hợp tham mưu, tổ chức theo tháng, quý và năm, đảm bảo các hoạt động thiết thực, hiệu quả: tiếp xúc, tặng quà và tọa đàm về chuyên đề làm đẹp cho phụ nữ nhân dịp 8/3; tổ chức giải tennis mở rộng; giải thể thao Công ty chào mừng thành công của Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI với 5 bộ môn: bóng đá, kéo co, cầu lông, bóng bàn và cờ tướng thu hút gần 200 VĐV tham gia – đây là một sân chơi thể thao lành mạnh, bổ ích góp phần nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự giao lưu, học hỏi cho CBCNV trong toàn Công ty.

Đặc biệt, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp trên thế giới và tại Việt Nam. Để bảo vệ sức khỏe người lao động, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh: Trang bị kiến thức, thông tin cho người lao động về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế bằng nhiều hình thức như văn bản, mạng nội bộ, fanpage...; Trang bị khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn cho toàn bộ CBCNV; Chủ động điều chế dung dịch sát khuẩn cung cấp cho các đơn vị; Trang bị buồng khử khuẩn, máy đo thân nhiệt; Kiểm tra thân nhiệt bắt buộc đối với người lao động, khách hàng đến làm việc tại Công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Là đơn vị có truyền thống uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách, do vậy trong năm qua Công ty luôn thực hiện tích cực tham gia ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, quỹ vì Trường Sa, Hoàng Sa, ủng hộ lụt bão và các hội từ thiện, hội chữ thập đỏ, các hoạt động xã hội của thành phố và các sở ban ngành.... với số tiền hàng trăm triệu đồng.

Hưởng ứng các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, Hội Cựu chiến binh công ty mỗi năm đều tổ chức tri ân CBCNV là thương binh, thân nhân liệt sỹ, cựu quân

nhân vào các ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; tham gia đóng góp với hội khối xây dựng nhà tình nghĩa cho cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo Nghị quyết ĐHCĐ Công ty năm 2020, trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát và định hướng mọi hoạt động của công ty, HĐQT đã giao nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên theo từng lĩnh vực để chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban điều hành. Năm 2020, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	82,08	80,36	97,9%
2	Nước tiêu thụ	Triệu m ³	72,44	72,54	100,1%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	919,4	930,4	101,2%
	<i>Trong đó: Doanh thu SXKD nước sạch</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>879,6</i>	<i>876,9</i>	<i>99,7%</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	96,9	102,6	105,9%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	78,8	83,8	106,3%
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (dự kiến)	%	≥7%	8%	114,3%

Năm 2020 là một năm đặc biệt đối với Công ty. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT đã giúp cho hoạt động sản xuất ổn định, cấp nước an toàn và đầy đủ cho khách hàng. Cùng với sự cố gắng nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên mà trong năm 2020 Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể: Tổng doanh thu và thu nhập khác tăng 1,2% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 102,6 tỷ đồng tăng 5,9% so với kế hoạch.

1.2. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2020

Để đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, trong những năm qua Công ty đã tích cực, chủ động triển khai nhiều dự án cấp nước có hiệu quả cao:

Hoàn thành Dự án đầu tư mở rộng HTCN Thành phố Hải Phòng – giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); tổ chức khánh thành công trình nâng công suất Nhà máy nước An Dương lên 200.000m³/ngày. Dự án bao gồm các hạng mục: (i) xây dựng NMN Hung Đạo công suất 25.000m³/ngày, cải tạo nhà máy nước Đồ Sơn thành trạm bơm tăng áp, cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước cho khu vực quận Đồ Sơn, Dương Kinh; (ii) xây dựng Nhà máy nước Ngũ Lão công suất 25.000m³/ngày, xây dựng trạm bơm tăng áp Tân Dương sẵn sàng cung cấp nước cho khu đô thị - trung tâm hành chính Bắc Sông Cấm và các khu đô thị, công nghiệp tập trung trên địa bàn huyện Thủy Nguyên; (iii) xây dựng hạng mục cấp nước Kim Sơn với việc lắp đặt các tuyến ống chuyên tải từ D600-D400 liên thông kết nối với các nhà máy nước Vật Cách, An Dương, Ngũ Lão tạo thành mạng vòng cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn giữa các nhà máy; (iv) cải tạo và nâng công suất nhà máy nước An Dương lên 200.000m³/ngày, lắp đặt các tuyến ống trực D800-D500 đáp ứng nhu cầu dùng nước cho việc mở rộng không gian đô thị nội thành Hải Phòng.

Triển khai và hoàn thành dự án nâng cấp NMN An Dương sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản. Dự án gồm 2 hạng mục: xây dựng cụm bể lọc tiếp xúc sinh học UBCF công suất 100.000m³/ngày tại nhà máy nước An Dương; nâng cấp trạm bơm Quán Vĩnh. Với công nghệ thân thiện với môi trường, xử lý ô nhiễm hữu cơ trong nước thô của Nhật Bản này, Công ty đã chủ động ứng phó, xử lý ô nhiễm hữu cơ trong nước nguồn, tiết kiệm hóa chất, cải thiện chất lượng, dịch vụ cấp nước cho khu vực nội thành Hải Phòng.

Triển khai các Dự án lắp đặt các tuyến ống truyền tải để hoàn thiện, nâng cao năng lực của mạng lưới chuyên tải, đảm bảo cấp nước an toàn.

Đầu tư phát triển cấp nước nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới như: cấp nước thôn Tứ Duy - xã Hưng Nhân; cấp nước cụm dân cư số 7 và xóm Cầu Thượng xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo; cấp nước thôn Kênh Hữu, Thượng Đồng, An Đồng, Hạ Đồng - xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo.

1.2. Công tác tổ chức nhân sự

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của người lao động trong Thành phố, làm tròn nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

- Bố trí nhân lực phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng suất lao động. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực lãnh đạo, trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên kinh doanh tiêu thụ có phong cách phục vụ khách hàng tốt.

- Đi đôi với giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty làm tốt công tác bảo vệ môi trường; giảm thiểu các chất thải rắn, chất thải khí ra môi trường bằng các giải pháp kỹ thuật, đảm bảo sản xuất an toàn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Các thành viên HĐQT thường xuyên trực tiếp kiểm tra công tác điều hành SXKD trên các lĩnh vực được phân công, tích cực giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trong năm;

- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Từ đó đưa ra các chỉ đạo giúp cho hoạt động SXKD của Công ty có hiệu quả;

- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao;

- Tích cực tham gia vào các buổi họp giao ban và các buổi họp khác của Ban điều hành nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

HĐQT đánh giá cao trong quá trình hoạt động Tổng giám đốc và Ban điều hành đã luôn nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra và luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tiếp tục cùng Ban điều hành và CBCNV Công ty nỗ lực phấn đấu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra:

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý.
- Thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, đúng trình tự xây dựng cơ bản.
- Bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.
- Nâng cao công tác quản lý kinh doanh tiêu thụ và chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực.
- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng bao gồm 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh	Chức danh quản lý tại Công ty khác
1.	Trần Việt Cường	35,2%	Chủ tịch HĐQT	Không
2.	Trần Văn Dương	20,47%	Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng GD	Không
3.	Đặng Hữu Dũng	0,12%	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT Cty CP KDNS số 2 Hải Phòng
4.	Vũ Hồng Dương	0,67%	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT Cty CP KDNS số 2 Hải Phòng
5.	Nguyễn Đăng Ninh	10,4%	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Không

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT và các thành viên HĐQT theo lĩnh vực được phân công đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BDH trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch SXKD đề ra, giúp hoạt động năm 2020 của Công ty có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Cụ thể, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức tổng số 19 cuộc họp và các cuộc họp chuyên đề để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, tất cả đều có sự thống nhất cao với nội dung cuộc họp như sau:

STT	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ tham dự
1.	Họp HĐQT thống nhất phân bổ vốn đầu tư tại Công ty CP KDNS số 2 Hải Phòng cho các người đại diện quản lý.	5/5
2.	Họp HĐQT thường kỳ quý IV/2019	5/5
3.	Họp HĐQT phê duyệt chủ trương cấp nước xã Vĩnh An – Vĩnh Bảo, ép bùn An Dương	5/5
4.	Họp HĐQT phê duyệt chủ trương D400 đường Hồ Sen (mương Hồ Sen); Biên áp 1000kVA Phù Long	5/5
5.	Họp thống nhất phương án giải quyết khi có 2/3 Thành viên Ban kiểm soát nghỉ hưu	5/5
6.	Họp duyệt chủ trương đầu tư Xi phông DN450 qua sông Văn Úc đoạn khu vực Cầu Khuê	5/5
7.	Họp HĐQT thống nhất công tác nhân sự; các nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ 2020 thông qua	5/5
8.	Họp HĐQT thống nhất nội dung đề người đại diện biểu quyết tại ĐHĐCĐ Công ty CP KDNS số 2 Hải Phòng (2020)	5/5
9.	Họp HĐQT thống nhất miễn giảm tiền nước cho các hộ dân, khu vực bị ảnh hưởng dịch COVID	5/5
10.	Họp về việc bán thanh lý các giàn kiểm định đồng hồ của Xi nghiệp Đồng hồ	5/5
11.	Họp HĐQT thường kỳ Quý I/2020	5/5
12.	Họp HĐQT về việc chủ trương thực hiện và lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện gói thầu “Soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2020”	5/5

STT	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ tham dự
13.	Họp HĐQT thường kỳ Quý II/2020	5/5
14.	Họp duyệt chủ trương cấp nước Ngũ Phúc; Tuyến ống nối NMN Ngũ Lão – Minh Đức	5/5
15.	Họp chủ trương xây dựng tuyến ống HDPE DN315 từ Xuân Đám – Hiền Hào; tuyến ống nước thô DN280 Suối Gôi – Xuân Đám; ống đẩy DN355 Vịnh Tùng Thu – NMN Cái Giá	5/5
16.	Họp duyệt chủ trương đầu tư cụm xử lý nước biển số 3	5/5
17.	Họp duyệt chủ trương trạm biến áp 250kVA, trạm bơm nước biển vịnh Tùng Thu	5/5
18.	Họp duyệt chủ trương xây dựng Nhà máy nước Xuân Đám và bể chứa 1000m ³	5/5
19.	Họp HĐQT thường kỳ Quý III/2020	5/5

Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy chế, quy định liên quan. Thông qua các cuộc họp, HĐQT đã ra các quyết định, nghị quyết với sự nhất trí cao của các thành viên (100%) để chỉ đạo BĐH thực hiện các công việc cần thiết, đảm bảo hoàn thành kế hoạch công tác giúp hoạt động SXKD có hiệu quả, đem lại lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

1.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Ông Trần Việt Cường
- Ông Trần Văn Dương
- Ông Đặng Hữu Dũng
- Ông Vũ Hồng Dương
- Ông Nguyễn Đăng Ninh

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh	Chức danh quản lý tại Công ty khác
1.	Lê Thị Hương	0,02%	Trưởng Ban KS	Không
2.	Đỗ Thị Thanh Diệp	0	Thành viên Ban KS	Không
3.	Nguyễn Minh Hoàng	0	Thành viên Ban KS	Không

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức 02 cuộc họp, tất cả đều có sự thống nhất cao với nội dung cuộc họp như sau:

- Hợp bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025, Hợp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và kế hoạch công tác của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025
- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, hoạt động HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích khác:

- Lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được thực hiện theo quy định trả lương, thưởng, quy định tài chính, các quy định nội bộ khác của Công ty và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của nhà nước

(Chi tiết tham khảo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
	Ông Vũ Hồng Dương	Thành viên HĐQT	384.800	0,52%	496.600	0,67%	Mua bán để đầu tư

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng	Công ty con	Mã số doanh nghiệp 0200933035 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/05/2019	Thôn Do Nhã, xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP Hải Phòng	Năm 2020	Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng cung cấp nước, dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng nước tổng giá trị giao dịch là 1.876.646.920 đồng (bao gồm cả VAT) cho Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Nhìn chung trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã nỗ lực chỉ đạo, giám sát, định hướng mọi hoạt động của của Công ty theo đúng định hướng phát triển bền vững và hoàn thành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công ty và Hội đồng quản trị đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật, giúp cho hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán được đăng tải chi tiết tại địa chỉ Website: capnuochaiphong.com.vn.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Việt Cường